TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày 30/06/2026
V/v "Tranh chấp hợp mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Châu;

2. Bà Nguyễn Thị Định.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2025/TLST-DS ngày 23/12/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-DS ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố E, xã Đ, tỉnh Gia Lai. tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn có các văn bản trình bày: Bà là đại lý kinh doanh cám, bắp và gạo. Trong quá trình làm ăn, ông Nguyễn Đức T nhiều lần mua hàng của bà theo hình thức mua chịu. Hai bên có theo dõi, ghi nhận và đối chiếu công nợ. Ngày 20/01/2021, sau khi chốt sổ công nợ, ông Nguyễn Đức T xác nhận còn nợ bà số tiền 42.200.000 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Theo thỏa thuận, ông T cam kết thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên vào hết tháng 02 âm lịch. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn chưa thanh toán dù bà đã nhiều lần yêu cầu. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T trả số tiền còn nợ là 42.200.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm: 01 Giấy kẻ ô ly có nội dung vào ngày 20/01/2021 ông Nguyễn Đức T xác nhận

còn nợ số tiền 42.200.000 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) có chữ ký và viết tên Nguyễn Đức T. (sổ theo dõi việc mua bán thức ăn chăn nuôi)

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành niêm yết tống đạt hợp lệ: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đức T vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: 01 Biên bản xác minh ngày 18/3/2026, 01 Biên bản xác minh ngày 26/3/2026.

2. Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc Nguyễn Đức T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 42.200.000 đồng.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T trú tại thôn B, xã K, tỉnh Gia Lai thanh toán số tiền 42.200.000 đồng còn nợ phát sinh từ việc mua bán cám, bắp và gạo. Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà L trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng bà Nguyễn Thị L là người kinh doanh cám, bắp, gạo. Trong quá trình mua

bán, ông Nguyễn Đức T nhiều lần nhận hàng với hình thức mua chịu. Sau khi các bên tiến hành đối chiếu công nợ, ngày 20/01/2021 ông Nguyễn Đức T xác nhận còn nợ số tiền 42.200.000 đồng và ký xác nhận. Sau khi phát sinh khoản nợ nêu trên, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Đức T thanh toán nhưng ông T không thực hiện. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T thanh toán số tiền còn nợ là 42.200.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án giấy xác nhận công nợ ngày 20/01/2021 có chữ ký của ông Nguyễn Đức T cùng các tài liệu, chứng cứ có liên quan. Các tài liệu này được thu thập hợp pháp, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đủ căn cứ để xem xét, đánh giá theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tạo điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Đức T không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán khoản nợ hoặc có căn cứ bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, giấy xác nhận công nợ ngày 20/01/2021 thể hiện ông Nguyễn Đức T xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền 42.200.000 đồng. Đây là chứng cứ trực tiếp chứng minh việc các bên đã phát sinh quan hệ mua bán tài sản và bị đơn còn nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn. Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện khoản nợ này đã được thanh toán hoặc đã chấm dứt theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch dân sự về mua bán hàng hóa. Bà L đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng, ông T đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng. Sau khi đối chiếu công nợ ngày 20/01/2021, ông T còn nợ bà L số tiền 42.200.000 đồng. Đây là nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015. Do ông Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho bà Nguyễn Thị L nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc ông Nguyễn Đức T thanh toán số tiền 42.200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; các Điều 91, 92, 93; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 42.200.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đức T phải chịu 2.110.000đ (*Hai triệu một trăm mười nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.055.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006839 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về thời hạn kháng cáo***:***

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 10 -Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Thy Thy